

Số: 82/QĐ-CTHADS

Lai Châu, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách
địa phương hỗ trợ năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 30/TB-STC ngày 10/4/2025 của Sở Tài chính về việc Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách địa phương hỗ trợ năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự (có biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, kế toán hành chính sự nghiệp Cục Thi hành án dân sự tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (để b/c);
- Các phó Cục trưởng (để biết);
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KTHCSN.

CỤC TRƯỞNG

Trần Công Hường

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH 2024

ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số 82/QĐ-CTHĐSS ngày 08 tháng 5 năm 2025
của Cục trưởng Cục Thị hành an dân sự tỉnh Lai Châu)

Phần I: TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số	Loại 400		Loại 070
				Khoản 400	Khoản 428	Khoản 085
A	B	C	1	2		3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC					
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	2	0	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	3	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4	0	0		0
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	5	0	0	0	0
	- Kinh phí đã nhận	6	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7	0	0		0
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	0			0
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	0		0	0
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	0	0	0	0
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	200.000.000	200.000.000	200.000.000	0
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	0			0
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	0	0	0	0
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)	30	0		0	0
	- Kinh phí đã nhận	31	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	0			0
7.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	0		0	0
	- Kinh phí đã nhận	34	0	0		0
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	0			0
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI		0			
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI		0			

ĐƠN VỊ: CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU

PHẦN II: CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Đvt: đồng

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Nguồn ngân sách nhà nước	Địa phương hỗ trợ	Nguồn khác
C	D	E	1	2	3
TỔNG CỘNG:				200.000.000	0
CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (KHÔNG TỰ CHỦ)				200.000.000	0
6500		TT dịch vụ công		37.280.000	0
	6503	Tiền nhiên liệu		37.280.000	0
6700		Công tác phí		162.000.000	
	6701	Tiền vé máy bay, tàu xe		1.000.000	
	6702	Phụ cấp công tác phí		103.000.000	0
	6703	Tiền thuê phòng ngủ		57.600.000	0
	6749	Các khoản chi khác		400.000	
7750		Chi khác		720.000	
	7756	Chi các khoản phí, lệ phí		720.000	0

